

# BÀI GIẢNG LẬP TRÌNH WEB

## Chương 5. KẾT NỐI CƠ SỞ DỮ LIỆU TRONG ASP.NET 2.0 (Part 2)

***Nguyễn Thành Thủy***

*Trường Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng*

*e-Mail: [thuynt@due.edu.vn](mailto:thuynt@due.edu.vn)*

# NỘI DUNG

---

- ❑ Tổng quan về ADO.NET
- ❑ Các điều khiển kết nối CSDL trên ASP.NET 2.0
- ❑ Điều khiển SqlDataSource
- ❑ **Làm việc với đối tượng SqlDataSource**
- ❑ Làm việc với đối tượng AccessDataSource

# Làm việc với đối tượng **SqlDataSource**

## ❑ Sử dụng đối tượng **SqlDataSource**

- ❑ Có thể thêm và cấu hình điều khiển **SqlDataSource** bằng mã lệnh **C#** trong tập tin giao tiếp **.cs**.
- ❑ Các bước để sử dụng đối tượng **SqlDataSource**:
  - ❑ Khai báo đối tượng **SqlDataSource**
  - ❑ Khai báo các thuộc tính của **SqlDataSource**
    - Thuộc tính **ConnectionString**
    - Thuộc tính **SelectCommandType**
    - Thuộc tính **SelectCommand**

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

- ❑ Sử dụng đối tượng **SqlDataSource**

- ❑ Khai báo đối tượng **SqlDataSource**

```
SqlDataSource <Tên_Biến> =  
    new SqlDataSource ();
```

- ❑ Khai báo thuộc tính **ConnectionString**:

```
<Tên_Biến>.ConnectionString =  
"Data Source=<Server_Name>;  
Initial Catalog=<DataBase_Name>;  
Persist Security Info=True;  
User ID=<UserName>; Password = <Password>" ;
```

*Tham khảo thêm tại:*

<http://www.connectionstrings.com/sql-server-2005>

# Làm việc với đối tượng **SqlDataSource**

- ❑ Sử dụng đối tượng **SqlDataSource**

- ❑ Khai báo thuộc tính **SelectCommandType**

```
<Tên_Biến>.SelectCommandType =  
    SqlDataSourceCommandType.Text;
```

- ❑ Khai báo thuộc tính **SelectCommand**:

```
<Tên_Biến>.SelectCommand =  
    <Query SQL String>;
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Sử dụng đối tượng **SqlDataSource**

```
protected void Page_Load(object sender, EventArgs e)
```

Ví dụ 5.6

```
{
```

```
    //Khai báo đối tượng SqlDataSource
```

```
    SqlDataSource SqlDS = new SqlDataSource();
```

```
    //Khai báo thuộc tínhConnectionString
```

```
    SqlDS.ConnectionString = "Data Source=NGOCNHAN\\SQLEXPRESS;Initial Catalog=QLNS;"
```

```
    + "Persist Security Info=True;User ID=thuynt; Password = 123";
```

```
    //Khai báo thuộc tính SelectCommandType
```

```
    SqlDS.SelectCommandType = SqlDataSourceCommandType.Text;
```

```
    //Khai báo thuộc tính SelectCommand
```

```
    SqlDS.SelectCommand = "SELECT * FROM LYlich";
```

```
}
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Sử dụng đối tượng SqlDataSource

The screenshot shows a web application with two tabs: 'vd56/vd56.aspx.cs' and 'vd56/vd56.aspx'. The 'vd56/vd56.aspx' tab is active, displaying a GridView control. The GridView has three columns labeled 'Column0', 'Column1', and 'Column2', each containing the text 'abc'. A red dot on the GridView is connected by a red line to a yellow text box that says 'Thêm điều khiển **GridView**, đặt tên là **grvLyLich**'. Another red line connects this text box to the 'grvLyLich' entry in the 'Properties' window. The 'Properties' window shows the 'grvLyLich' control of type 'System.Web.UI.WebControls.GridView'. The '(ID)' property is highlighted in green. Other properties shown include 'AccessKey', 'AllowPaging' (False), 'AllowSorting' (False), 'AlternatingRowStyle' (expanded), and 'AutoGenerateColumn: True'.

Column0	Column1	Column2
abc	abc	abc
abc	abc	abc
abc	abc	abc
abc	abc	abc
abc	abc	abc

Thêm điều khiển **GridView**, đặt tên là **grvLyLich**

**Properties**

**grvLyLich** System.Web.UI.WebControls.GridView

(Expressions)

(ID) grvLyLich

AccessKey

AllowPaging False

AllowSorting False

AlternatingRowStyle

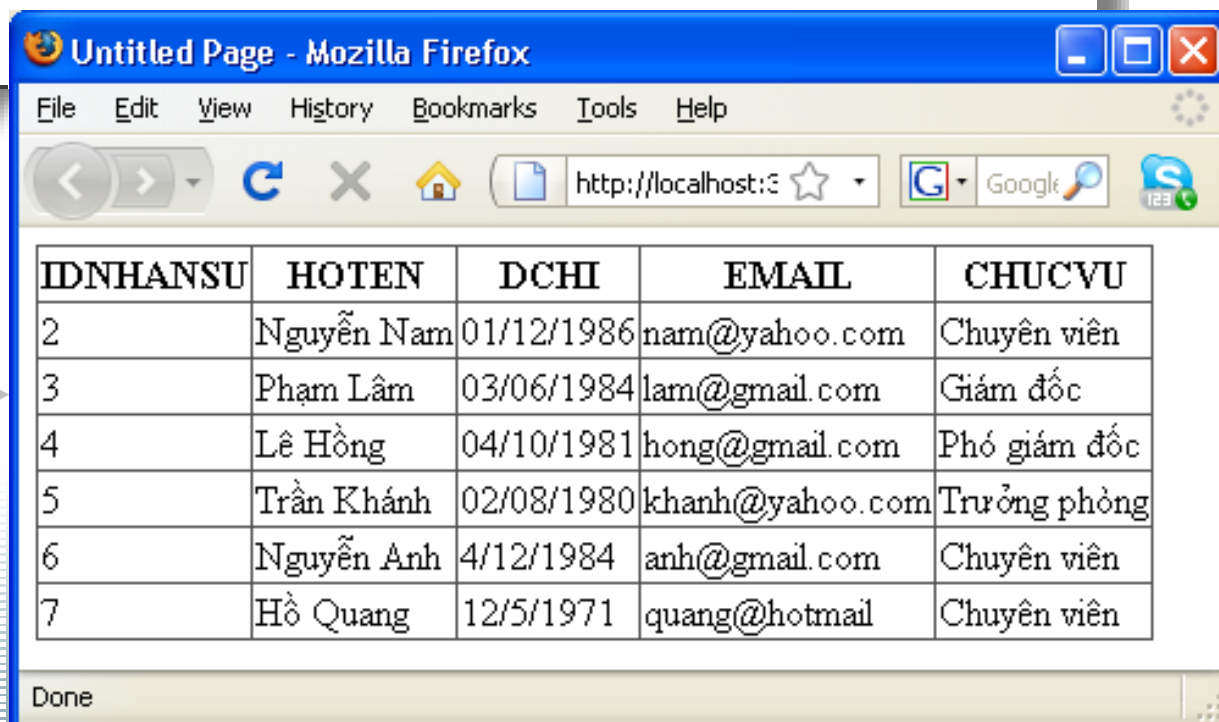
AutoGenerateColumn: True

Ví dụ 5.6

# Làm việc với đối tượng SqlDataReader

## ❑ Sử dụng đối tượng SqlDataReader

```
// Khai báo nguồn dữ liệu cho điều khiển GridView  
this.grvLyLich.DataSource = SqlDS;  
this.grvLyLich.DataBind();
```



Untitled Page - Mozilla Firefox

File Edit View History Bookmarks Tools Help

http://localhost:3

IDNHANSU	HOTEN	DCHI	EMAIL	CHUCVU
2	Nguyễn Nam	01/12/1986	nam@yahoo.com	Chuyên viên
3	Phạm Lâm	03/06/1984	lam@gmail.com	Giám đốc
4	Lê Hồng	04/10/1981	hong@gmail.com	Phó giám đốc
5	Trần Khánh	02/08/1980	khanh@yahoo.com	Trưởng phòng
6	Nguyễn Anh	4/12/1984	anh@gmail.com	Chuyên viên
7	Hồ Quang	12/5/1971	quang@hotmail	Chuyên viên

Done

Ví dụ 5.6



# Làm việc với đối tượng **SqlDataSource**

---

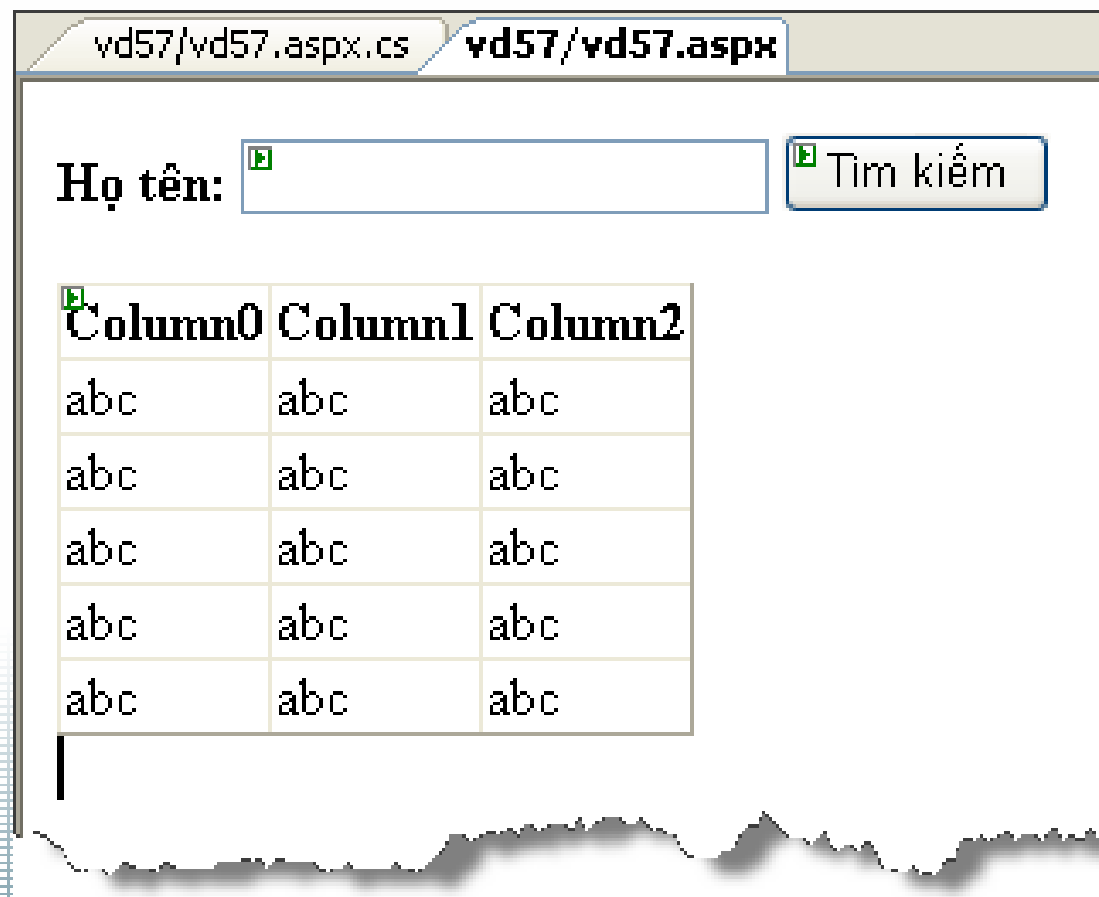
## ❑ Truyền tham số vào đối tượng **SqlDataSource**

- ❑ Điều khiển **SqlDataSource** cho phép sử dụng phát biểu **SQL** dạng **SELECT**, **UPDATE**, **DELETE**, **INSERT** và **Stored Procedures** bằng mã lệnh **C#**.

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **SELECT**

- ❑ Thiết kế trang tìm kiếm thông tin nhân sự (ví dụ 5.7)



The screenshot shows a web browser window with two tabs: 'vd57/vd57.aspx.cs' and 'vd57/vd57.aspx'. The active tab is 'vd57/vd57.aspx'. Below the tabs, there is a search form with the label 'Họ tên:' followed by a text input field and a 'Tìm kiếm' button. Below the form, there is a table with three columns: 'Column0', 'Column1', and 'Column2'. The table contains five rows of data, each with the value 'abc' in all three columns.

Column0	Column1	Column2
abc	abc	abc
abc	abc	abc
abc	abc	abc
abc	abc	abc
abc	abc	abc

# Làm việc với đối tượng SqlDataReader

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **SELECT**

❑ Sử dụng thuộc tính **SelectCommand** để phát biểu lệnh truy vấn **SQL**

❑ Cú pháp:

**SqlDataSource.SelectCommand = <SQL>;**

❑ Ví dụ 1: Truy vấn không có tham số

**SqlDS.SelectCommand = "SELECT \* FROM LYlich";**

❑ Ví dụ 2: Truy vấn có tham số

**SqlDS.SelectCommand = "SELECT \* FROM LYlich WHERE ID =  
@IDNHANSU";**

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **SELECT**

```
protected void Page_Load(object sender, EventArgs e)
```

Ví dụ 5.7

```
{
```

```
    //Khai báo thuộc tínhConnectionString
```

```
    SqlDS.ConnectionString = "Data Source=NGOCNHAN\\SQLEXPRESS;Initial Catalog=QLNS;"
```

```
        + "Persist Security Info=True;User ID=thuynt; Password = 123";
```

```
    //Khai báo thuộc tính SelectCommandType
```

```
    SqlDS.SelectCommandType = SqlDataSourceCommandType.Text;
```

```
    SqlDS.SelectCommand = "SELECT * FROM LYlich";
```

```
    //Khai báo nguồn dữ liệu cho điều khiển GridView
```

```
    this.grvLyLich.DataSource = SqlDS;
```

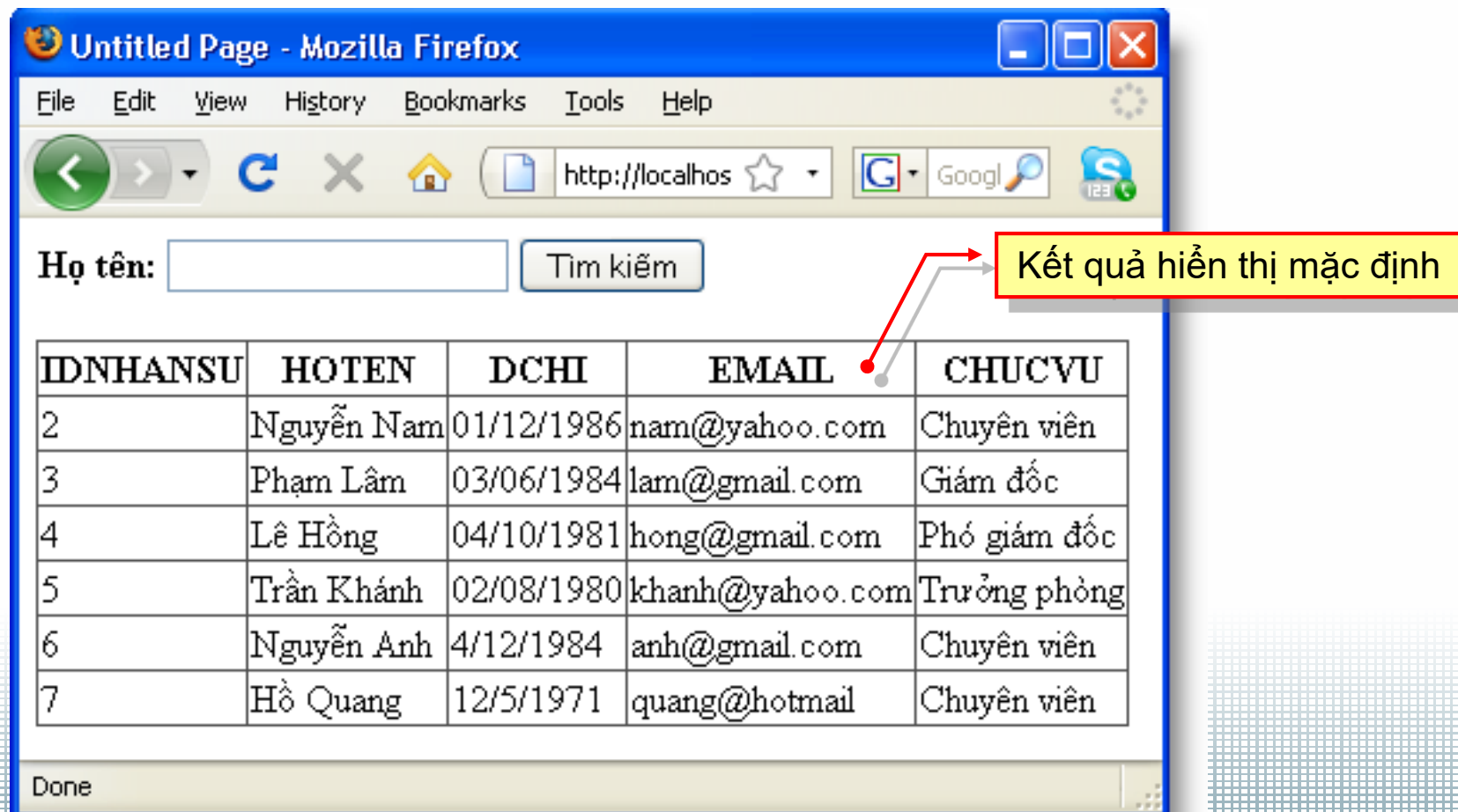
```
    this.grvLyLich.DataBind();
```

```
}
```

Phát biểu truy vấn **SQL**

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **SELECT**



The screenshot shows a Mozilla Firefox browser window titled "Untitled Page - Mozilla Firefox". The address bar displays "http://localhost". Below the address bar is a search bar with the text "Họ tên:" and a "Tìm kiếm" button. Below the search bar is a table with 5 columns: IDNHANSU, HOTEN, DCHI, EMAIL, and CHUCVU. The table contains 7 rows of employee data. A red arrow points from a yellow callout box with the text "Kết quả hiển thị mặc định" to the table.

IDNHANSU	HOTEN	DCHI	EMAIL	CHUCVU
2	Nguyễn Nam	01/12/1986	nam@yahoo.com	Chuyên viên
3	Phạm Lâm	03/06/1984	lam@gmail.com	Giám đốc
4	Lê Hồng	04/10/1981	hong@gmail.com	Phó giám đốc
5	Trần Khánh	02/08/1980	khanh@yahoo.com	Trưởng phòng
6	Nguyễn Anh	4/12/1984	anh@gmail.com	Chuyên viên
7	Hồ Quang	12/5/1971	quang@hotmail	Chuyên viên

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **SELECT**

- ❑ Thêm tham số bằng phương thức **SelectParameters**

**SqlDataSource.****SelectParameters**.**Add**(<ParaName>,<TypeValue>,  
<Value>)

- **<ParaName>**: Tên tham số cần tạo
- **<TypeValue>**: Kiểu giá trị của tham số
- **<Value>**: Giá trị truyền cho tham số

Ví dụ:

```
SqlDS.SelectParameters.Add("HOTEN", TypeCode.String, "Nguyễn Hùng");
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataReader

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **SELECT**

The diagram illustrates a C# code snippet for a button click event, with annotations explaining its components:

- Hàm sự kiện Click của nút Tìm kiếm**: Points to the `btnSearch_Click` method signature.
- Phát biểu truy vấn SQL có tham số**: Points to the SQL query string: `"SELECT * FROM LYlich WHERE HOTEN LIKE '%' + @HOTEN + '%'"`.
- Truyền tham số cho truy vấn**: Points to the parameter addition: `SqlDS.SelectCommand.Parameters.Add("HOTEN", TypeCode.String, this.txtHoTen.Text);`.

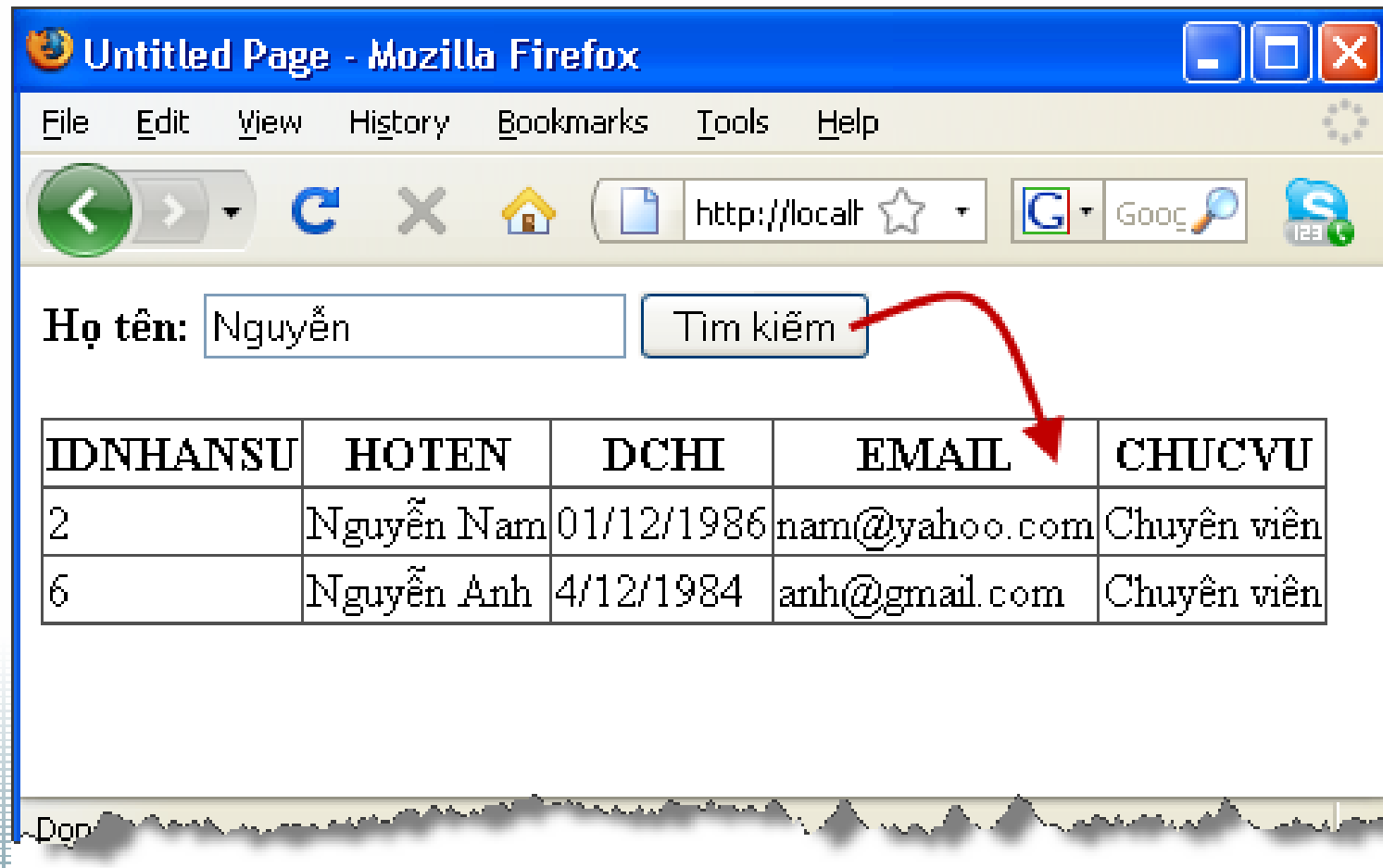
```
protected void btnSearch_Click(object sender, EventArgs e)
{
    //Khai báo thuộc tính SelectCommand
    SqlDS.SelectCommand = "SELECT * FROM LYlich WHERE HOTEN LIKE '%' + @HOTEN + '%'"
    SqlDS.SelectCommand.Parameters.Add("HOTEN", TypeCode.String, this.txtHoTen.Text);

    this.grvLyLich.DataBind();
}
```

Ví dụ 5.7

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **SELECT**





# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **SELECT**

Bảng **HANGHOA**

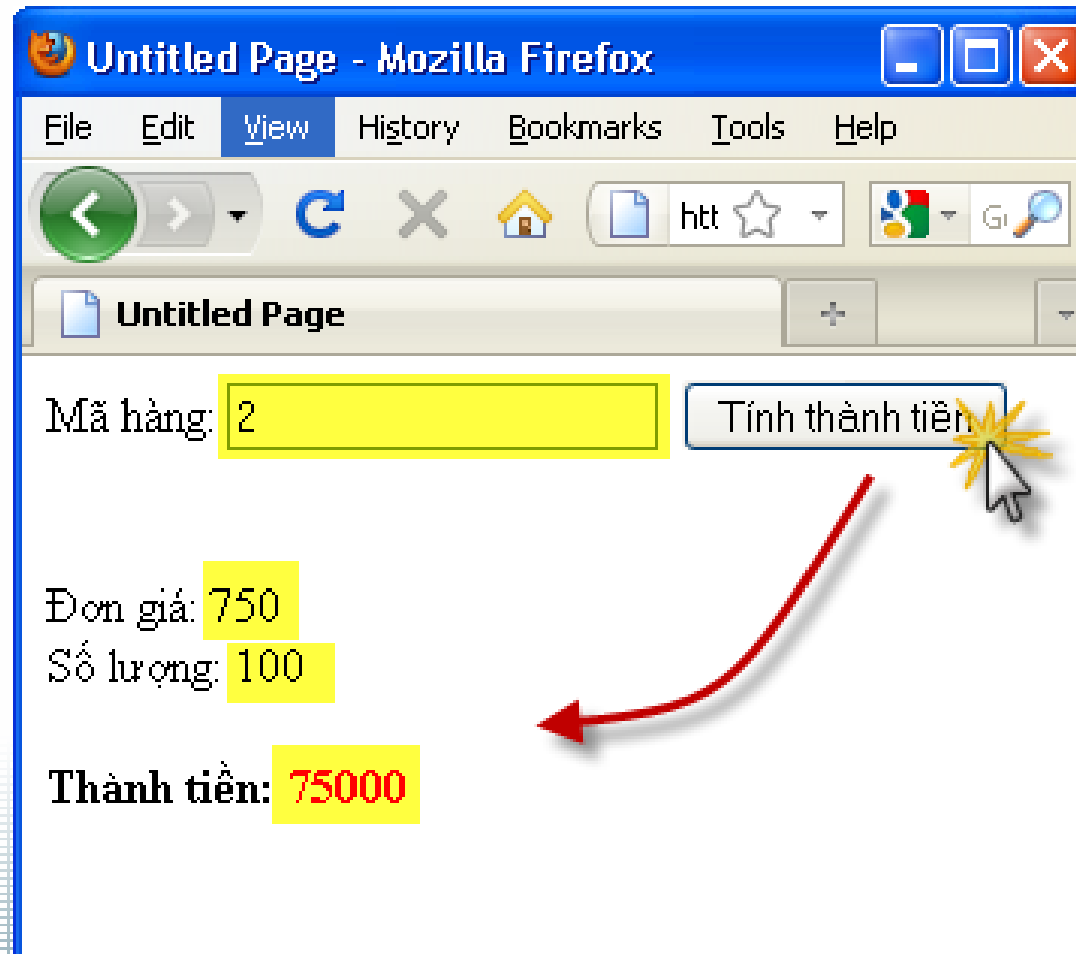
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
	IDHANGHOA	numeric(18, 0)	<input type="checkbox"/>
	TENHANG	nchar(200)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CHUNGLOAI	nchar(50)	<input checked="" type="checkbox"/>
	DONGIA	int	<input checked="" type="checkbox"/>
	SOLUONG	int	<input checked="" type="checkbox"/>

Ví dụ: 5.7b

	IDHANGHOA	TENHANG	CHUNGLOAI	DONGIA	SOLUONG
▶	1	Lenovo Y430 ...	Máy tính ...	700	100
	2	Compaq C800...	Máy tính ...	750	100
	3	Sharp v2.5 ...	Tủ lạnh ...	300	50
	5	Samsung Max...	Tivi ...	150	20
*	NULL	NULL	NULL	NULL	NULL

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **SELECT**

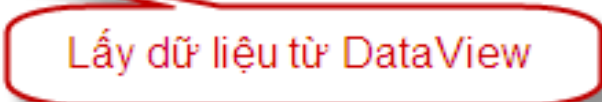


# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

```
protected void btn_Tinh_Click(object sender, EventArgs e)
{
    SqlDataSource sqlDS = new SqlDataSource();
    sqlDS.ConnectionString = "Data Source=NGOCNHAN\\SQLEXPRESS;Initial Catalog=QLNS;"
        + "Persist Security Info=True;User ID=thuynt; Password = 123";
    sqlDS.SelectCommand = "SELECT DONGIA,SOLUONG FROM HANGHOA WHERE IDHANGHOA = @ID";
    sqlDS.SelectParameters.Add("ID", TypeCode.Int32, this.txt_MaHang.Text);

    DataView dv = (DataView)sqlDS.Select(DataSourceSelectArguments.Empty);
    if (dv.Count > 0)
    {
        int DonGia = Convert.ToInt32(dv.Table.Rows[0]["DONGIA"]);
        int SoLuong = Convert.ToInt32(dv.Table.Rows[0]["SOLUONG"]);
        int ThanhTien = DonGia * SoLuong;

        this.lbl_DonGia.Text = DonGia.ToString();
        this.lbl_SoLuong.Text = SoLuong.ToString();
        this.lbl_ThanhTien.Text = ThanhTien.ToString();
    }
    else
    {
        Response.Write("Khong tim thay ma hang nao!!!");
        this.lbl_DonGia.Text = "";
        this.lbl_SoLuong.Text = "";
    }
}
```



Lấy dữ liệu từ DataView

Ví dụ: 5.7b

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **INSERT**

- ❑ Thiết kế trang bổ sung thông tin nhân sự (Ví dụ 5.8)

The screenshot shows a web browser window titled "Untitled Page - Mozilla Firefox". The address bar shows "http://localhost". The page contains a form with the following fields:

- Họ tên: Lê Ngọc
- Ngày sinh: 05/04/1988
- Email: ngoc@yahoo.com
- Chức vụ: Chuyên viên (dropdown menu)

Below the form is a button labeled "Thêm mới" (Add new). A red arrow points from this button to a table below it.

IDNHANSU	HOTEN	NSINH	EMAIL	CHUCVU
2	Nguyễn Nam	12/12/1980	nam@yahoo.com	Chuyên viên
3	Phạm Lâm	03/01/1984	lam@gmail.com	Giám đốc
4	Lê Hồng	12/04/1987	hong@gmail.com	Phó giám đốc
5	Trần Khánh	25/06/1982	khanh@yahoo.com	Trưởng phòng
6	Nguyễn Anh	26/01/1981	anh@gmail.com	Chuyên viên
7	Hồ Quang	02/06/1988	quang@hotmail	Chuyên viên

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **INSERT**

- ❑ Phát biểu vắn tắt bằng thuộc tính **InsertCommand**

**SqlIDSObject.InsertCommand = <SQL>;**

- ❑ Ví dụ:

**SqlDS.InsertCommand = "INSERT INTO LYLICH  
VALUES (@HOTEN, @DIACHI, @EMAIL, @CHUCVU)";**

# Làm việc với đối tượng SqlDataReader

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **INSERT**

### ❑ Thêm tham số bằng phương thức **InsertParameters**

**SqlDSObject.InsertParameters.Add(<ParaName>, <TypeValue>, <Value>)**

- <ParaName>: Tên tham số cần tạo
- <TypeValue>: Kiểu giá trị của tham số
- <Value>: Giá trị truyền cho tham số

Ví dụ:

```
SqlDS.InsertParameters.Add("HOTEN",  
    TypeCode.String,"Nguyễn Thành Thủy");
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

---

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **INSERT**

- ❑ Sử dụng phương thức **Insert** để thêm dữ liệu

**SqlDSObject.Insert();**

- ❑ Ví dụ: **SqlDS.Insert();**

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu INSERT

vd58/vd58.aspx.cs    vd58/vd58.aspx

Họ tên	<input type="text"/>
Ngày sinh	<input type="text"/>
Email	<input type="text"/>
Chức vụ	<input type="text" value="Giám đốc"/>
<input type="button" value="Thêm mới"/>	

Ví dụ 5.8

```
//Phát biểu Văn tin INSERT
SqlDS.InsertCommand = "INSERT INTO LYlich VALUES (@HOTEN, @NGAYSINH, @EMAIL, @CHUCVU)";
//Truyền tham số Văn tin INSERT
SqlDS.InsertParameters.Add("HOTEN", TypeCode.String, this.txtHoTen.Text);
SqlDS.InsertParameters.Add("NGAYSINH", TypeCode.String, this.txtNgaySinh.Text);
SqlDS.InsertParameters.Add("EMAIL", TypeCode.String, this.txtEmail.Text);
SqlDS.InsertParameters.Add("CHUCVU", TypeCode.String, this.ddlChucVu.SelectedValue);
SqlDS.Insert();
```



# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **UPDATE**

- ❑ Xây dựng trang cập nhật thông tin nhân sự (Ví dụ 5.9)

Untitled Page - Mozilla Firefox

File Edit View History Bookmarks Tools Help

http://localhost

ID Nhân sự: 7

Họ tên: Phạm Lâm

Ngày sinh: 23/5/1983

Email: lam@gmail.com

Chức vụ: Giám đốc

Cập nhật

Cập nhật thông tin nhân sự có IDNHANSU = 7

IDNHANSU	HOTEN	NSINH	EMAIL	CHUCVU
6	Nguyễn Anh	26/01/1981	anh@gmail.com	Chuyên viên
7	Hồ Quang	02/06/1988	quang@hotmail	Chuyên viên
8	Lê Ngọc	05/04/1988	ngoc@yahoo.com	Chuyên viên
9	Phương Thảo	12/12/1980	thao@gmail.com	Phó giám đốc

# Làm việc với đối tượng SqlDataReader

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu UPDATE

- ❑ Thêm tham số bằng phương thức **UpdateCommand**

**SqlDSObject.UpdateCommand = <SQL>;**

- ❑ Ví dụ:

```
//Phát biểu văn tin Update
SqlDS.UpdateCommand = "UPDATE LYlich " +
    "SET HOTEN=@HOTEN, NSINH=@NSINH, EMAIL=@EMAIL, CHUCVU=@CHUCVU " +
    "WHERE IDNHANSU=@IDNHANSU";
```

# Làm việc với đối tượng `SqlDataSource`

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **UPDATE**

- ❑ Truyền giá trị cho tham số bằng phương thức **UpdateParameters**

**SqlDSObject.UpdateParameters.**

**Add(<ParaName>, <TypeValue>, <Value>)**

- <ParaName>: Tên tham số cần tạo
- <TypeValue>: Kiểu giá trị của tham số
- <Value>: Giá trị truyền cho tham số

Ví dụ:

```
SqlDS.UpdateParameters.Add("HOTEN",  
    TypeCode.String,"Nguyễn Ngọc Nhân");
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

---

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **UPDATE**

- ❑ Sử dụng phương thức **Update()** để thực hiện vấn tin **UPDATE**

**SqlDSObject.Update();**

- ❑ Ví dụ: **SqlDS.Update();**

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **UPDATE**

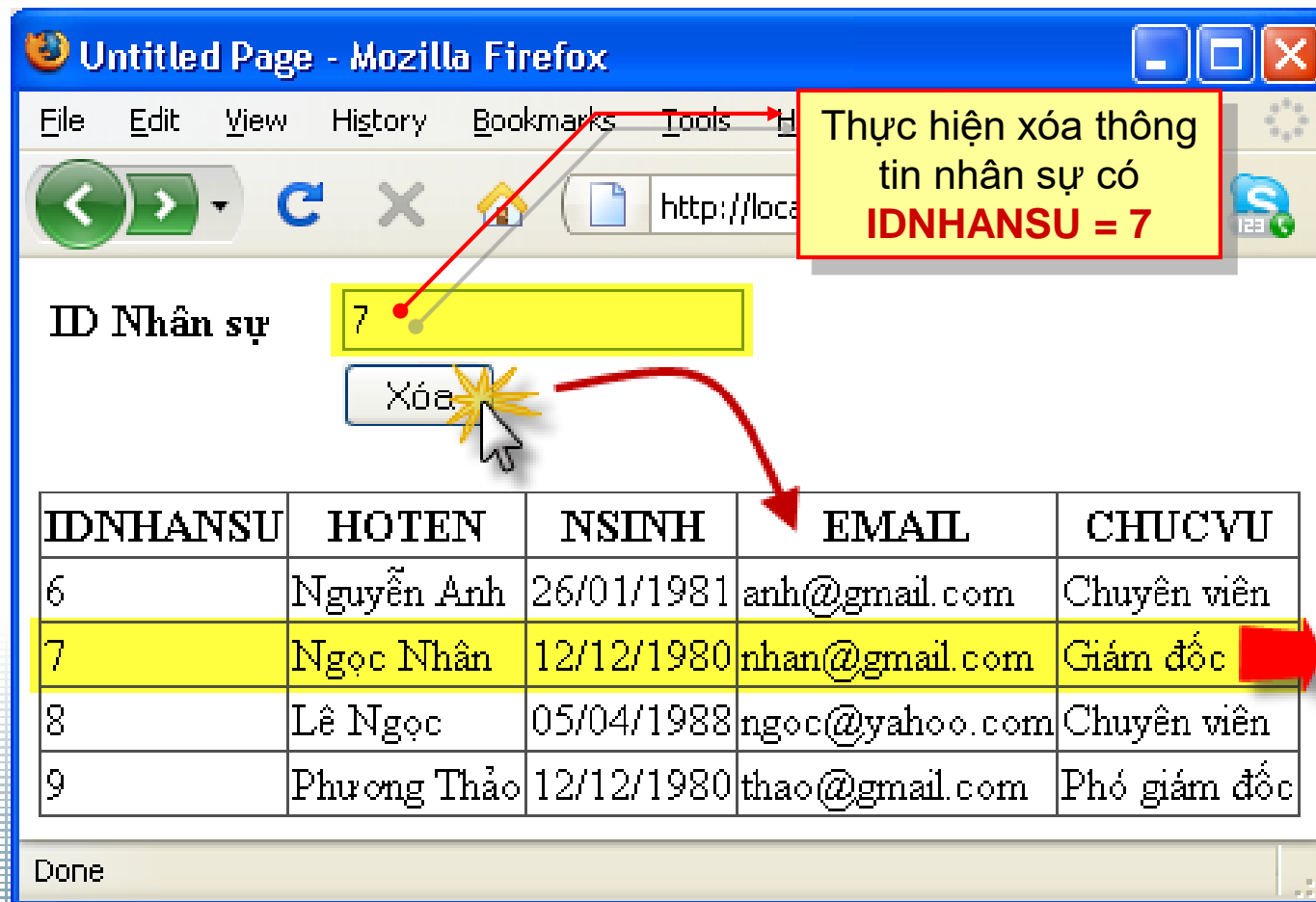
- ❑ Xây dựng trang cập nhật thông tin nhân sự (Ví dụ 5.9)

```
//Phát biểu văn tin Update
SqlDS.UpdateCommand = "UPDATE LYlich " +
    "SET HOTEN=@HOTEN, NSINH=@NSINH, EMAIL=@EMAIL, CHUCVU=@CHUCVU " +
    "WHERE IDNHANSU=@IDNHANSU";
//Truyền tham số văn tin Update
SqlDS.UpdateParameters.Add("HOTEN", TypeCode.String, this.txtHoTen.Text);
SqlDS.UpdateParameters.Add("NSINH", TypeCode.String, this.txtNgaySinh.Text);
SqlDS.UpdateParameters.Add("EMAIL", TypeCode.String, this.txtEmail.Text);
SqlDS.UpdateParameters.Add("CHUCVU", TypeCode.String, this.ddlChucVu.SelectedValue);
SqlDS.UpdateParameters.Add("IDNHANSU", TypeCode.String, this.txtIDNhanSu.Text);
//Thực hiện văn tin Update
SqlDS.Update();
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **DELETE**

- ❑ Xây dựng trang xóa thông tin nhân sự (Ví dụ 5.10)



# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu DELETE

- ❑ Thêm tham số bằng phương thức **DeleteCommand**

**SqlDSObject.DeleteCommand = <SQL>;**

- ❑ Ví dụ:

```
//Phát biểu văn tin Delete  
SqlDS.DeleteCommand = "DELETE FROM LYlich WHERE IDNHANSU=@IDNHANSU";
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

- ❑ Thêm tham số cho phát biểu **DELETE**
  - ❑ Truyền giá trị cho tham số bằng phương thức **DeleteParameters**

**SqlDSObject.DeleteParameters.  
Add(<ParaName>, <TypeValue>, <Value>)**

- <ParaName>: Tên tham số cần tạo
- <TypeValue>: Kiểu giá trị của tham số
- <Value>: Giá trị truyền cho tham số

Ví dụ:

```
SqlDS.DeleteParameters.Add("IDNHANSU",  
    TypeCode.String, "123");
```



# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

---

## ❑ Thêm tham số cho phát biểu **DELETE**

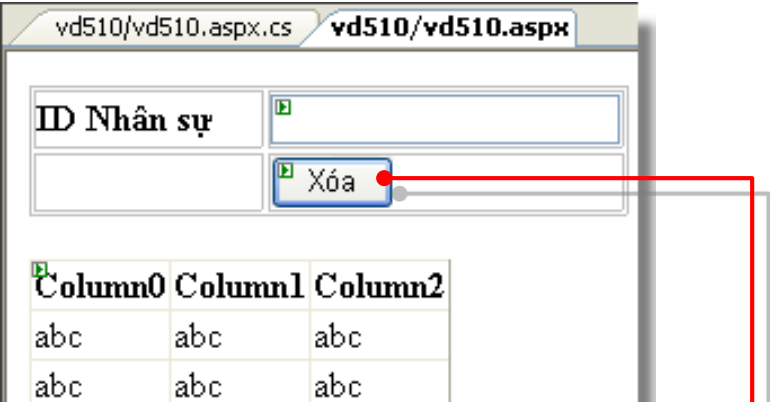
- ❑ Sử dụng phương thức **Delete()** để thực hiện vấn tin **DELETE**

**SqlDSObject.Delete();**

- ❑ Ví dụ: **SqlDS.Delete();**

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

- ❑ Thêm tham số cho phát biểu **DELETE**
  - ❑ Xây dựng trang xóa thông tin nhân sự (Ví dụ 5.10)



```
//Phát biểu văn tin Delete
SqlDS.DeleteCommand = "DELETE FROM LYlich WHERE IDNHANSU=@IDNHANSU";
//Truyền tham số văn tin Delete
SqlDS.DeleteParameters.Add("IDNHANSU", TypeCode.String, this.txtIDNhanSu.Text);
//Thực hiện văn tin Delete
SqlDS.Delete();
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## Tổng kết lại kiến thức:

### ❑ Phát biểu vấn tin:

- ❑ SqlDSObject.**SelectCommand** = <Query SQL String>
- ❑ SqlDSObject.**InsertCommand** = < Query SQL String >
- ❑ SqlDSObject.**UpdateCommand** = < Query SQL String >
- ❑ SqlDSObject.**DeleteCommand** = < Query SQL String >

### ❑ Truyền tham số cho vấn tin

- ❑ SqlDSObject.**SelectParameters**.Add(<ParaName>,<Type>,<Value>)
- ❑ SqlDSObject.**InsertParameters**.Add(<ParaName>,<Type>,<Value>)
- ❑ SqlDSObject.**UpdateParameters**.Add(<ParaName>,<Type>,<Value>)
- ❑ SqlDSObject.**DeleteParameters**.Add(<ParaName>,<Type>,<Value>)

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

---

Tổng quan lại kiến thức:

❑ Thực thi vấn tin:

- ❑ SqlDSObject.**Insert()**;
- ❑ SqlDSObject.**Update()**;
- ❑ SqlDSObject.**Delete()**;

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

## ❑ Thêm tham số cho **Stored Procedures**:

### ❑ Khai báo thuộc tính **SelectCommandType**

SqlDSObject.SelectCommandType =  
SqlDataSourceCommandType.StoredProcedure

### ❑ Chỉ định **Stored Procedures** vắn tin

SqlDSObject.SelectCommand = StoredProcedureName;

### ❑ Truyền tham số cho vắn tin:

SqlDS.SelectParameters.Add(<ParaName>,  
    <TypeValue>,<Value>);

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

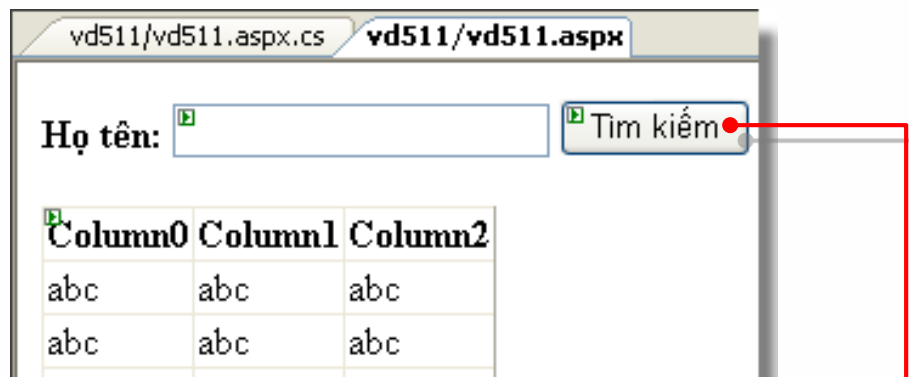
- ❑ Thêm tham số cho **Stored Procedures**:
  - ❑ Thiết kế trang tìm kiếm sử dụng **Stored Procedures**:
    - ❑ Thủ tục tạo Stored Procedures **SPVd511**

NGOCNHAN\...\SPVd511.sql Summary Ví dụ 5.11

```
CREATE PROCEDURE SPVd511
    @HOTEN nchar(100)
AS
BEGIN
    SELECT      IDNHANSU, HOTEN, NSINH, EMAIL, CHUCVU
    FROM        LYlich
    WHERE       (HOTEN = @HOTEN)
END
GO
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

- ❑ Thêm tham số cho **Stored Procedures**:
  - ❑ Thiết kế trang tìm kiếm sử dụng **Stored Procedures**:



The screenshot shows a web browser window with the address bar displaying 'vd511/vd511.aspx'. The page contains a search form with a text input field labeled 'Họ tên:' and a button labeled 'Tìm kiếm'. A red line connects the button to the code block below. Below the form is a table with three columns: 'Column0', 'Column1', and 'Column2'. The table contains two rows of data, both with the value 'abc' in each column.

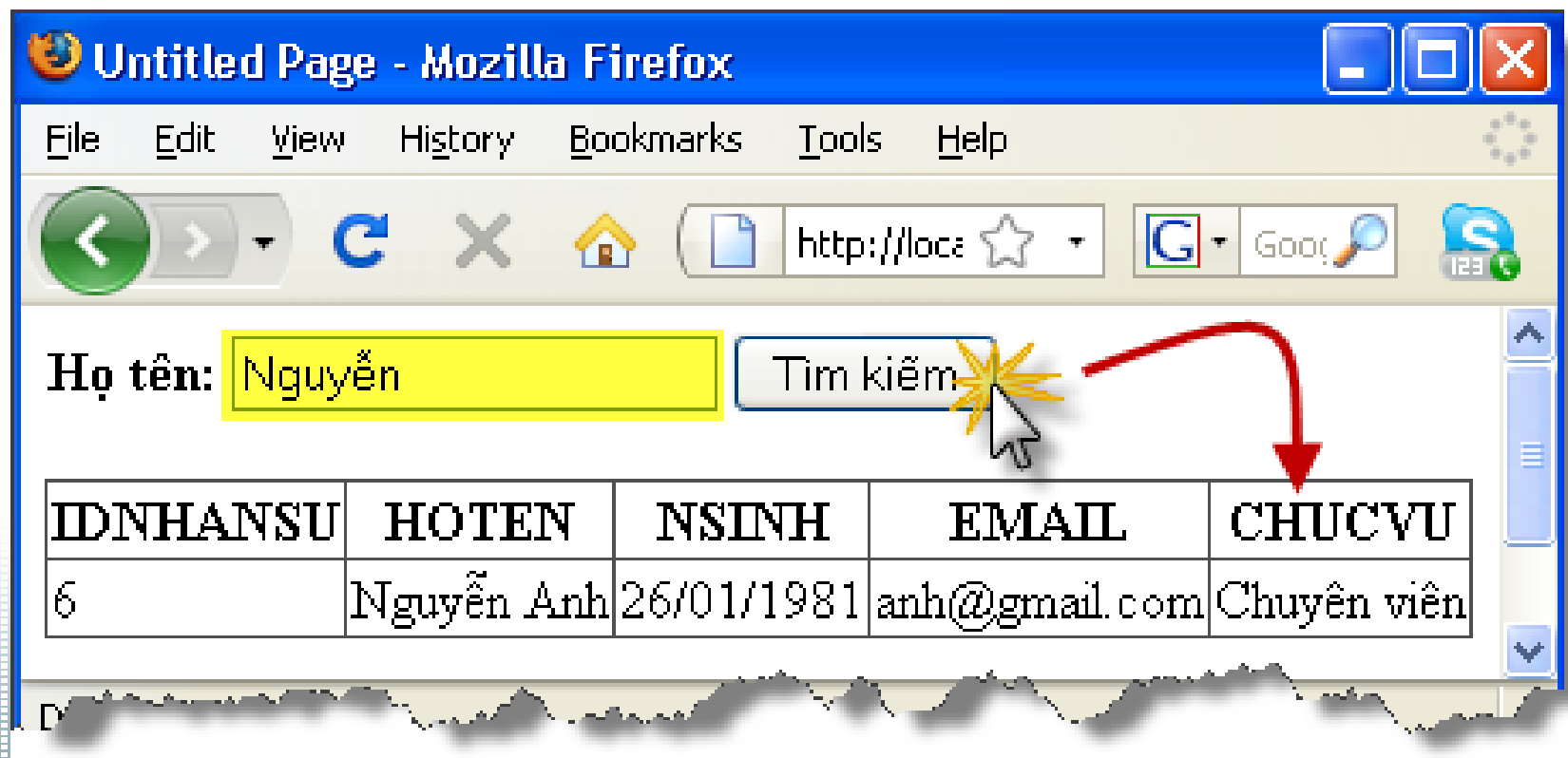
Column0	Column1	Column2
abc	abc	abc
abc	abc	abc

Ví dụ 5.11

```
//Xác định hình thức văn tin
SqlDS.SelectCommandType = SqlDataSourceCommandType.StoredProcedure;
//Chỉ định Stored Procedures văn tin
SqlDS.SelectCommand = "SPVd511";
//Truyền tham số cho văn tin
SqlDS.SelectParameters.Add("HOTEN", TypeCode.String, this.txtHoTen.Text);
```

# Làm việc với đối tượng SqlDataSource

- ❑ Thêm tham số cho **Stored Procedures**:
  - ❑ Tương tự đối với các phát biểu **INSERT**, **UPDATE** và **DELETE**.





# NỘI DUNG

---

- ❑ Tổng quan về ADO.NET
- ❑ Các điều khiển kết nối CSDL trên ASP.NET 2.0
- ❑ Điều khiển SqlDataSource
- ❑ Làm việc với đối tượng SqlDataSource
- ❑ **Làm việc với đối tượng AccessDataSource**

# Làm việc với đối tượng **AccessDataSource**

## ❑ Sử dụng đối tượng **AccessDataSource**

- ❑ Đối tượng **AccessDataSource** cho phép kết nối đến **CSDL MS. Access**
- ❑ Khai báo đối tượng **AccessDataSource**

**AccessDataSource AccessDSObject = new  
AccessDataSource();**

Ví dụ:

**AccessDataSource AccessDS =  
new AccessDataSource ();**

# Làm việc với đối tượng AccessDataSource

## ❑ Sử dụng đối tượng AccessDataSource

- ❑ Thuộc tính **DataFile**, sử dụng để chỉ báo tập tin DB.

**AccessDSObject.DataFile = <Path\_DB>;**

Ví dụ:

**AccessDS.DataFile =  
Server.MapPath(".") + "\\DULIEU.MDB";**

- ❑ Server.MapPath(): trả về đường dẫn tuyệt đối vị trí của một tập tin.

# Làm việc với đối tượng **AccessDataSource**

## ❑ Sử dụng đối tượng **AccessDataSource**

- ❑ Sử dụng thuộc tính **SelectCommand**, để phát biểu vấn tin SQL

**AccessDSObject.SelectCommand = <SQL>;**

Ví dụ:

**AccessDS.SelectCommand =  
"SELECT \* FROM LYLICH";**

# Làm việc với đối tượng AccessDataSource

Xây dựng ứng dụng tìm kiếm thông tin nhân sự (ví dụ 5.12)

- File DB Access **DULIEU.MDB**, có bảng **LYLICH** như sau:

LYLICH : Table					
	IDNHANSU	HOTEN	NSINH	EMAIL	CHUCVU
▶	1	Nguyễn Thắng	12/12/1980	thang@gmail.com	Giám đốc
	2	Phạm Lâm	23/04/1987	lam@yahoo.com	Chuyên viên
	3	Lê Thanh	19/05/1982	thanh@yahoo.com	Phó giám đốc
	4	Nguyễn Kha	21/08/1978	kha@yahoo.com	Chuyên viên
	5	Ngọc Nhân	15/04/1980	nhan@gmail.com	Chuyên viên
*	AutoNumber)				
Record: ◀ ◁ 1 ▷ ▶ * of 5					

# Làm việc với đối tượng AccessDataSource

Ví dụ 5.12

Khai báo đối tượng  
**AccessDataSource**

Khai báo tập tin **DB Access**

```
AccessDataSource AccessDS = new AccessDataSource();  
protected void Page_Load(object sender, EventArgs e)  
{  
    //Khai báo thuộc tính DataFile  
    AccessDS.DataFile = Server.MapPath(".") + "\\DULIEU.MDB";  
    //Xác định phương thức vận tin dữ liệu  
    AccessDS.SelectCommandType = SqlDataSourceCommandType.Text;  
    //Phát biểu vận tin  
    AccessDS.SelectCommand = "SELECT * FROM LYlich";  
  
    this.grvLyLich.DataSource = AccessDS;  
    this.grvLyLich.DataBind();  
}
```

Khai báo phương thức vận tin

Phát biểu vận tin **SQL**

# Làm việc với đối tượng **AccessDataSource**

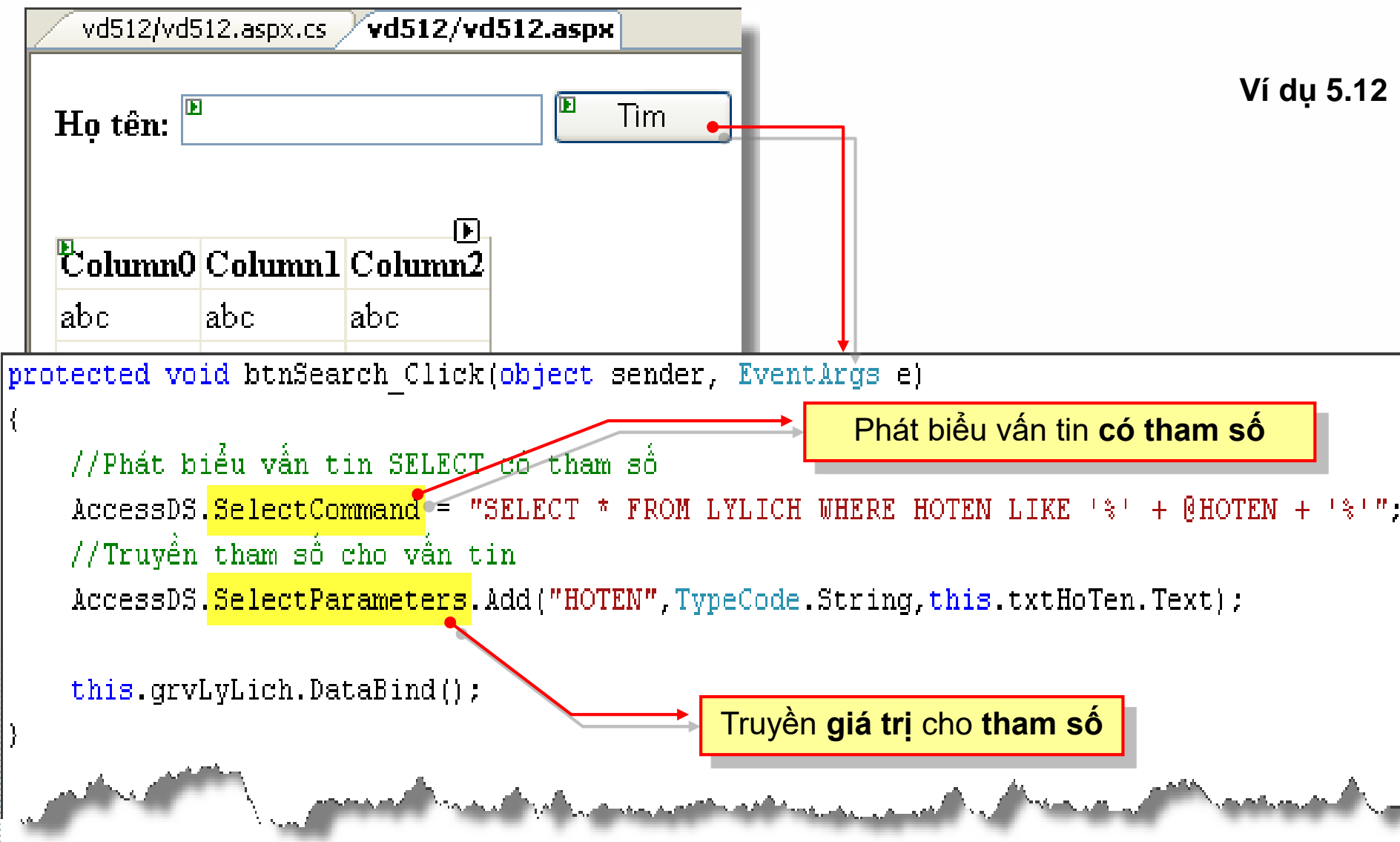
---

## ❑ Thêm tham số cho điều khiển **AccessDataSource**

- ❑ Tương tự như điều khiển **SqlDataSource**, ta có thể sử dụng các thuộc tính sau, để phát biểu vấn tin có tham số:
  - ❑ **SelectCommand**
  - ❑ **InsertCommand**
  - ❑ **UpdateCommand**
  - ❑ **DeleteCommand**

# Làm việc với đối tượng AccessDataSource

Ví dụ 5.12



```
protected void btnSearch_Click(object sender, EventArgs e)
{
    //Phát biểu văn tin SELECT có tham số
    AccessDS.SelectCommand = "SELECT * FROM LYlich WHERE HOTEN LIKE '%' + @HOTEN + '%'";
    //Truyền tham số cho văn tin
    AccessDS.SelectParameters.Add("HOTEN", TypeCode.String, this.txtHoTen.Text);

    this.grvLyLich.DataBind();
}
```

Phát biểu văn tin **có tham số**

Truyền **giá trị** cho tham số



# Làm việc với đối tượng AccessDataSource

Ví dụ 5.12

Untitled Page - Mozilla Firefox

File Edit View History Bookmarks Tools Help

http://loca

Họ tên:

IDNHANSU	HOTEN	NSINH	EMAIL	CHUCVU
1	Nguyễn Thắng	12/12/1980	thang@gmail.com	Giám đốc
4	Nguyễn Kha	21/08/1978	kha@yahoo.com	Chuyên viên

Done